

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **915/2019/KDTM-PT**

Ngày: 16/10/2019

V/v “tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà.

Các Thẩm phán: Bà Hà Thanh Thủy

Ông Ngô Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Phượng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Thân Trọng Minh Phương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 23/9 và ngày 16/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2019/TLPT-KDTM ngày 06/6/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án sơ thẩm số 24/2019/KDTM-ST ngày 23/4/2019 của Tòa án nhân dân quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh có kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3877/2019/QĐ-PT ngày 26/8/2019, giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty CP Đ1

Trụ sở: 221B T2, P.T3, TP. B1, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Bà Phạm Thị Thanh T3, sinh năm: 1973

- Bà Đỗ Thị L1, sinh năm: 1993,

Văn bản ủy quyền ngày 07/11/2018. **Có mặt**

2. Bị đơn: Công ty TNHH S

Trụ sở: 128/19 T4, Phường C1, quận T1, TP.Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Chung M1 Chức danh: Giám đốc

Hộ khẩu và chỗ ở: 128/19 T4, Phường C1, quận T1, TP.Hồ Chí Minh. **Vắng mặt**

3. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 245/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 20/5/2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Ngày 02/01/2016 Công ty CP Đ1 (Bên bán) (Công ty Đ1) và Công ty TNHH S (Bên mua) (Công ty S) ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số 33/2016 – HĐMB với nội dung: Hàng hóa mua bán là dược phẩm theo ngành nghề đã đăng ký, quy cách số lượng theo đơn đặt hàng, chất lượng theo quy định của Bộ y tế. Giá bán theo từng thời điểm, thanh toán trong vòng 30 ngày căn cứ hóa đơn xuất hàng, chậm thanh toán sẽ ngưng giao hàng và chịu phạt bằng lãi suất ngân hàng tại từng thời điểm; Giao hàng tại kho bên mua có xuất hóa đơn do bên mua tự kiểm tra trong vòng 24 giờ, mỗi bên tự chịu phí bốc xếp vận chuyển.

Thực hiện hợp đồng: Công ty Đ1 giao hàng theo yêu cầu của Công ty S (Công ty S đặt hàng qua điện thoại hoặc email). Chứng từ giao nhận hàng là hóa đơn GTGT số 001822 ngày 13/10/2016 số tiền 28.728.000 đồng, và hóa đơn số 002557 ngày 09/11/2016 số tiền 114.508.610 đồng. Tổng cộng 02 hóa đơn: 143.236.611 đồng. Ngày 06/10/2017 Công ty S đã thanh toán 5.000.000 đồng.

Ngày 03/01/2018 Công ty S ký Bản đối chiếu công nợ đề nghị thanh toán, với nội dung: Công nợ đến ngày 31/12/2017 là 143.236.611 đồng, đã thanh toán 5.000.000 đồng, còn nợ 138.237.171 đồng. Đến ngày 12/01/2018 Công ty S thanh toán được 12.000.000 đồng. Còn nợ 126.236.611 đồng.

Bị đơn ký Bản đối chiếu công nợ đề nghị thanh toán đề ngày 10/4/2018 (bị đơn sau khi ký chỉ gửi fax nên nguyên đơn không có bản chính), có nội dung bị đơn xác nhận nợ 126.236.611 đồng.

Nay Công ty Đ1 yêu cầu Công ty S thanh toán nợ mua hàng hóa (Theo Đơn khởi kiện ngày 16/8/2018), gồm:

Nợ gốc 126.236.611 đồng, Nợ lãi 10.610.442 đồng tính từ ngày 15/01/2018 đến ngày 23/4/2019 theo mức lãi suất là 6.6%/năm. Tổng cộng 136.847.053 đồng.

Bản án sơ thẩm số 24/2019/KDTM-ST ngày 23/4/2019 của Tòa án nhân dân quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty CP Đ1 đối với Công ty TNHH S.

a. Công ty TNHH S có trách nhiệm thanh toán cho Công ty CP Đ1 số tiền còn thiếu theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 33/2016-HĐMB ngày 02/01/2016 giữa Công ty CP Đ1 với Công ty TNHH S là 126.236.611 đồng (một trăm hai mươi sáu triệu hai trăm ba mươi sáu ngàn sáu trăm mười một đồng) và 10.610.442 đồng (mười triệu sáu trăm mười ngàn bốn trăm bốn mươi hai đồng) tiền lãi do chậm thanh toán, tổng cộng 136.847.053 đồng (một trăm ba mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi bảy ngàn không trăm năm mươi ba đồng).

b. Thời hạn thanh toán: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn nếu bị đơn chưa thanh toán xong các khoản nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH S phải chịu 6.842.376 đồng (sáu triệu tám trăm bốn mươi hai ngàn ba trăm bảy mươi sáu đồng), hoàn lại Công ty CP Đ1 3.376.829 đồng (ba triệu ba trăm bảy mươi sáu ngàn tám trăm hai mươi chín đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008939 ngày 28/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, giải thích quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Đến ngày 20/5/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 245/QĐKNPT-VKS-KDTM đối với bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn theo Bản tường trình ngày 11/7/2019), trình bày và tranh luận tại phiên tòa, theo đó không đồng ý toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, giữ nguyên nội dung kháng nghị do vi phạm như sau: Bản án dùng tài liệu phô tô (Công nợ ký ngày 10/4/2018) làm căn cứ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn; tuyên thời gian tính lãi sau khi xét xử không phù hợp điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên đề nghị sửa bản án sơ thẩm về phần này. Việc xác minh về sự có mặt, vắng mặt của đại diện hợp pháp của bị đơn mới được bổ sung tại Tòa án cấp phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Chứng cứ xác định địa chỉ cuối cùng để niêm yết văn bản tố tụng cho bị đơn tại số 128/19 T4, Phường C1, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh là kết quả xác minh ngày 19/9/2019 của Công an Phường C1, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh:

Căn cứ tài liệu của nguyên đơn xuất trình Văn bản ngày 16/8/2018 của Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (cung cấp theo yêu cầu của bà Phạm Thị Thanh T3) theo đó xác định bị đơn Công ty TNHH S có đăng ký địa chỉ trụ sở, địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại của người đại diện theo pháp luật là ông Chung M1 cùng tại số 128/19 T4, Phường C1, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Văn bản xác minh ngày 19/9/2019 của Công an Phường C1, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh: Tại địa chỉ 128/19 T4, Phường C1, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh không có Công ty TNHH S hoạt động, và không có người tên Chung M1 cư trú tại đây, hiện không rõ ở đâu.

Căn cứ các Biên bản không tổng đạt được cho bị đơn Công ty TNHH S của Tòa án cấp sơ thẩm tại địa chỉ 128/19 T4, Phường C1, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh,

ghi nhận: Nhà đóng cửa, tổ trưởng dân phố từ chối nhận. Đồng thời niêm yết khi chưa thu thập chứng cứ xác minh để xác định địa chỉ cuối cùng của bị đơn là có thiếu sót cần rút kinh nghiệm. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] Chứng cứ xác định công nợ là Bản đối chiếu công nợ đề nghị thanh toán ngày 03/01/2018:

Công ty Đ1 có bán được phẩm cho Công ty S theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 33/2016 – HDMB ngày 02/01/2016. Chứng từ giao nhận hàng hóa là Hóa đơn GTGT số 001822 ngày 13/10/2016 (28.728.000 đồng) và số 002557 ngày 09/11/2016 (114.508.610 đồng) không có chữ ký của người có thẩm quyền của bên mua. Tuy nhiên, ngày 03/01/2018 Công ty S ký Bản đối chiếu công nợ đề nghị thanh toán, với nội dung xác nhận còn nợ 138.237.171 đồng. Mặc dù bị đơn cam kết sẽ nợ trả dứt nợ trước tết thời gian ngày 31/01/2018 nhưng đến ngày 12/01/2018 chỉ thanh toán được 12.000.000 đồng, nên còn nợ 126.236.611 đồng.

Mặc dù nguyên đơn không xuất trình được Bản đối chiếu công nợ đề nghị thanh toán ngày 10/4/2018 về việc xác nhận công nợ 126.236.611 đồng (Vì là bản fax). Tuy nhiên quá trình thực hiện hợp đồng trước đó bị đơn đã ký xác nhận công nợ ngày 03/01/2018 là chứng cứ được cấp sơ thẩm xem xét giải quyết có trong phần nhận định của bản án.

Do hợp đồng có thỏa thuận tính lãi chậm thanh toán thời gian sau 30 ngày kể từ ngày 09/11/2016 (ngày giao hàng đợt cuối). Bị đơn thanh toán lần cuối vào ngày 12/01/2018. Nguyên đơn lấy ngày 15/01/2018 bắt đầu tính lãi 6.6%/năm (theo lãi vay ngân hàng). Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc tiền hàng 126.236.611 đồng và lãi 10.610.442 đồng tính từ ngày 15/01/2018 đến ngày 23/4/2019 theo mức lãi suất là 6.6%/năm. Tổng cộng 136.847.053 đồng được bản án sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Việc quyết định lãi, lãi suất trong bản án:

Theo điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải trả lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Phần này của bản án sơ thẩm tuyên “Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn nếu bị đơn chưa thanh toán xong các khoản nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán..”, là chưa phù hợp nên sửa bản án sơ thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát.

Vì lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Giữ nguyên một phần bản án sơ thẩm; Sửa một phần bản án sơ thẩm, như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty CP Đ1 đối với Công ty TNHH S.

1.1. Công ty TNHH S có trách nhiệm thanh toán theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 33/2016-HĐMB ngày 02/01/2016 cho Công ty CP Đ1, gồm: Nợ gốc 126.236.611đ (một trăm hai mươi sáu triệu hai trăm ba mươi sáu ngàn sáu trăm mười một đồng) và 10.610.442đ (mười triệu sáu trăm mười ngàn bốn trăm bốn mươi hai đồng) tiền lãi do chậm thanh toán. Tổng cộng 136.847.053 đồng (một trăm ba mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi bảy ngàn không trăm năm mươi ba đồng).

1.2. Thời hạn thanh toán: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án là Công ty TNHH S còn phải trả thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH S phải chịu 6.842.376 đồng (sáu triệu tám trăm bốn mươi hai ngàn ba trăm bảy mươi sáu đồng),

Hoàn lại Công ty CP Đ1 3.376.829 đồng (ba triệu ba trăm bảy mươi sáu ngàn tám trăm hai mươi chín đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008939 ngày 28/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc thi hành án được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Q.T1;
- Chi cục THADS Q.T1;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà